

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu:
Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị
phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn
ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì
các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc
nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các
trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc
nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội;
Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-PAS ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-PAS ngày 25 tháng 09 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Báo cáo đánh giá E-HSDT số 03/BCĐG.E-HSDT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Tổ chuyên gia cho gói thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự toán mua sắm Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu

- Số E - TBMT: IB2500413591;
- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giá gói thầu: 314.750.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*);
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước – Hoạt động Phòng chống dịch;

- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

Stt	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ	0314902658	299.000.000	299.000.000	-	-	299.000.000	45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

Stt	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam	0309416518	308.386.000	308.386.000	-	-	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

4. Thông tin về danh mục trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
1	Hệ thống realtime PCR	1196511P40010			Các dải nhiệt độ và các kênh màu quang học	Hiệu chuẩn	Vệ sinh block nhiệt Kiểm tra nhiệt độ nắp nhiệt tại 105° C Kiểm tra nhiệt độ block gia nhiệt tại 50° C, 55° C, 60° C, 72° C, 95° C Hiệu chuẩn tín hiệu nền và tín hiệu 4 kênh màu (Dye)	Cái	1	4.000.000	4.000.000
2	Kính hiển vi				220v	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	1.500.000	3.000.000
3	Máy luân nhiệt	1226535P40003			220÷240v, 50Hz, 500w	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn nhiệt theo yêu cầu của Viện	Cái	1	1.500.000	1.500.000
4	Máy luân nhiệt	1226535P40004			220÷240v, 50Hz, 500w	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn nhiệt theo yêu cầu của Viện	Cái	1	1.500.000	1.500.000
5	Máy ủ nhiệt ELISA	2445.AR			220÷240v	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại mức nhiệt độ đang được sử dụng	Cái	1	1.500.000	1.500.000
6	Nhiệt kế rượu					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 3 mức nhiệt độ tùy yêu cầu của viện	Cây	3	900.000	2.700.000
7	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 3 mức nhiệt độ tùy yêu cầu của viện	Cây	2	900.000	1.800.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
8	Máy Realtime PCR	8075-VRĐR	7500 Fast		- Nguồn sáng kích thích: Đèn Tungsten-Halogen - Hệ thống sử dụng phương pháp huỳnh quang 5 màu	Hiệu chuẩn	- Hiệu chuẩn nhiệt - Hiệu chuẩn quang các kênh màu	Cái	1	4.000.000	4.000.000
9	Máy luân nhiệt ProS	3593-VRĐR	6325		96 vị trí cho ống PCR 0.2ml Dải nhiệt độ : 4°C - 99°C	Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	4.000.000	4.000.000
10	Máy luân nhiệt Flexlid	8116-VRĐR	nexus GSX1			Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt	Cái	1	4.000.000	4.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
							+ Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối				
11	Máy luân nhiệt Master cycler	3538-VRĐR	5331			Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bẩn nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	4.000.000	4.000.000
12	Kính hiển vi	624-VRĐR	CK2		220-240v	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	1.500.000	3.000.000
13	Kính hiển vi	3259-VRĐR	TMS-F; TS100		230v, 50HZ	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	1.500.000	3.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
14	Tủ đông sâu (-30°C)	3638-VRĐR	MDF-436		- Tủ loại nằm, 3 ngăn - Dung tích: 426 lít - Thang cài đặt nhiệt độ từ: -20°C đến -35°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	800.000	800.000
15	Tủ âm (-30°C)	4578-VRĐR	LDF 370W		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Dung tích: 370 lít - Thang cài đặt nhiệt độ từ: -15°C đến -30°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	800.000	800.000
16	Tủ âm (-30°C)	8141-VRĐR	UPUL-540		- Tủ loại đứng, 43 ngăn- Dung tích: 450 lít- Thang cài đặt nhiệt độ từ: -20oC đến -40°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	800.000	800.000
17	Tủ đông sâu SANYO (U5386)	3376-VRĐR	MDF-U5386		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	1.200.000	1.200.000
18	Tủ âm sâu (-86°C)	1177019H 40027	MDF-U74V-PE		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	1.200.000	1.200.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
19	Tủ đông sâu Sanyo MDF-U73	3653-VRĐR	MDF-U73V		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: - 50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	1.200.000	1.200.000
20	Tủ đông sâu	8195-VRĐR	5907		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 793 lít - Thang nhiệt độ: - 50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	800.000	800.000
21	Hệ thống đọc điện di	4056-VRĐR	Quantum ST4 1100		220v - 240v, 50Hz	Bảo trì	- Kiểm tra, vệ sinh, cân chỉnh hệ thống camera và quang học gồm: đèn chiếu sáng, đèn UV. - Kiểm tra các kết nối hệ thống với máy. - Kiểm tra phần mềm, cân chỉnh thông số kỹ thuật.	Cái	1	4.000.000	4.000.000
22	Nhiệt kế thủy ngân				(-20°C) đến 110°C	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại các điểm nhiệt: (-10°C); 4°C; 36°C	Cái	5	900.000	4.500.000
23	Máy realtime PCR (LightCycler 480 II, hãng Roche)	8073-VRHH				Bảo trì	Bảo trì của nhà sản xuất: - Kiểm tra tình trạng máy. - Kiểm tra lock nhiệt.	Cái	1	4.000.000	4.000.000
24	Máy đọc ELISA (hãng BioTek)	8194-VRHH				Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại bước sóng 405nm, 620nm	Cái	1	3.000.000	3.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
25	Máy rửa ELISA ((hãng BioTek)	8197-VRHH				Bảo trì	Kiểm tra kim rửa	Cái	1	3.000.000	3.000.000
26	Máy PCR (ProFlex PCR System, hãng ABI)					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn block nhiệt ở 50° C, 60° C, 95° C.	Cái	1	3.000.000	3.000.000
27	Máy PCR (Eppendorf AG, hãng Eppendorf)					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn block nhiệt ở 50° C, 60° C, 95° C.	Cái	1	3.000.000	3.000.000
28	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn từ (-80° C) đến 40° C	Cái	20	900.000	18.000.000
29	Máy đo PH	1166911G 20081	X3348 6		Đo pH môi trường	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH 4,5 - pH 8,0	Cái	1	1.200.000	1.200.000
30	Kính hiển vi nền đen	1478-1 VK			Nền đen soi leptospira sống	Hiệu chuẩn	Nền đen soi leptospira sống được rõ nét	Cái	1	1.500.000	1.500.000
31	Máy đo pH để bàn	1196811G 20028				Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH: 0-14	Cái	1	1.200.000	1.200.000
32	Kính hiển vi				10X - 100X	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	1.500.000	3.000.000
33	Tủ lạnh sâu (-30° C)	3032	MDF-U537D		MDF-U537D, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
34	Tủ (-20° C)	3454			JP Selecta	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000
35	Tủ lạnh đông sâu nằm (-80° C)	1206749H 40029			MDF-U54V-PE, PHC, dung tích 519 lít	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
36	Tủ âm sâu (-85° C)	3655			MDP-U73V, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
37	Tủ âm sâu âm (-86° C)	3504			MDP-U73V, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
38	Tủ (-30° C)	8164			MDF U443, Panasonic, dung tích 426 lít	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000
39	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711H 40060		151102 81	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
40	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711H 40061		150901 87	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
41	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711H 40062		116671 1H400 62	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.200.000	1.200.000
42	Tủ mát 2°C - 8°C	1216711H 30041	MPR-S313-PK		BLCRF 370W Dải nhiệt độ: 2°C đến 8°C	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
43	Tủ mát 2°C - 8°C	1216711H30040	MPR-S313-PK		BLCRF 370W Dải nhiệt độ: 2°C đến 8°C	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000
44	Tủ lạnh	8079	REL2304D		Tủ lạnh 1 cửa nhỏ vừa SN: 294755198	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	1.000.000	1.000.000
45	Máy ly tâm lạnh	3483	Z216MK		Máy ly tâm lạnh cỡ nhỏ để bàn Thể tích 370 lít	Bảo trì	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto	Cái	1	1.500.000	1.500.000
46	Máy ly tâm lạnh	3621 (3616/VK1+3621/V)	5804R		MPR-S313-PK, PHC Corporation	Bảo trì	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto	Cái	1	1.500.000	1.500.000
47	Kính hiển vi	1676			Zeissaxiolab	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
48	Kính hiển vi	3494			Microsystems AXR 31	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
49	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	3429			Kính hiển vi sinh học 2 mắt AXL	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, căn chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
50	Nhiệt kế rượu				2-8oC	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn mức nhiệt tại: 2°C, 8°C, 35°C	Cái	2	900.000	1.800.000
51	Máy đo độ đục	4530			Máy đo độ đục (OD)-Den-1B	Hiệu chuẩn	Đo McFarland 0.5; 1.0	Cái	1	1.950.000	1.950.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
52	Thước đo Caliper					Hiệu chuẩn	Đo độ dài 5-50mm	Cái	1	850.000	850.000
53	Máy điện di DNA	1196711P70027				Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di	Cái	1	3.000.000	3.000.000
54	Máy điện di ngang	1216711P70015	MSCHOICE15 multiS UB Choice +Nano Pac500			Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di	Cái	1	3.000.000	3.000.000
55	Máy real-time PCR (Eppendorf)	3586/SHP T	Realplex 4 epGradient			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn màu và hiệu chuẩn nhiệt	Cái	1	3.000.000	3.000.000
56	Máy real-time PCR Light Cyclers 480 (Roche)	4161/HIV-AIDS	05015278001 (Cat. Number)			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn màu và hiệu chuẩn nhiệt	Cái	1	3.000.000	3.000.000
57	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Nhiệt độ Labo thường theo dõi là 56°C, 70°C, 96°C, 100°C	Cái	4	900.000	3.600.000
58	Tủ ấm CO2		MCO-170AI CUVDL-PE	20070126	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	3.000.000	3.000.000
59	Tủ ấm CO2		MCO-170AI CUVDL-PE	20070127	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	3.000.000	3.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
60	Hệ thống 48 chuồng nuôi chuột cách ly		ISOCA GE N/ ISO48 NFEE U	21003242	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn áp suất tại -30 PA	Cái	1	4.000.000	4.000.000
61	Tủ âm CO2		MCO-170AI CUVD L-PE	20070129	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	3.000.000	3.000.000
62	Tủ âm CO2		MCO-170AI CUVD L-PE	20070128	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	3.000.000	3.000.000
63	Đồng hồ đo áp		Dwyer			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn áp suất tại -30; -60;-90	Cái	24	800.000	19.200.000
64	Bình tiết trùng 250 lít (Kill Tank-1) của Hệ thống xử lý nước thải			KILL2 50.072 1-01		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ ruột Pt100-PLC tại 123°C Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ áo Pt100-PLC tại 125°C Hiệu chuẩn cảm biến áp suất -1~5Bar-PLC	Cái	1	2.500.000	2.500.000
65	Bình tiết trùng 250 lít (Kill tank-2) của Hệ thống xử lý nước thải			KILL2 50.072 1-02		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ ruột Pt100-PLC tại 123°C Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ áo Pt100-PLC tại 125°C Hiệu chuẩn cảm biến áp suất -1~5Bar-PLC	Cái	1	2.500.000	2.500.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
66	Bộ tạo hơi 160 lít (Steam boiler 160L) của Hệ thống xử lý nước thải			STB16 0.0721-04		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ Pt100 tại 123°C	Cái	1	2.000.000	2.000.000
67	Hệ thống lọc RO			2908.95	RO500 - 500l/h - áp suất -0.5 -15bar	Bảo trì	Kiểm tra tình trạng hệ thống hiện tại: toàn bộ hệ thống từ bảng điều khiển, hệ thống ống dây dẫn, vật liệu lọc,... - Kiểm tra chất lượng nước thành phẩm - Bảo trì bảo dưỡng hệ thống lọc, thay thế lõi lọc nếu cần thiết (Vật tư do Viện cung cấp) - Đánh giá lại các công việc đã thực hiện với Viện - Đánh giá lại quy trình bảo trì với Viện	Hệ thống	1	3.000.000	3.000.000
68	Cường độ UV					Hiệu chuẩn	Đo ánh sáng UV phòng	Điểm	11	300.000	3.300.000
69	Nhiệt độ					Hiệu chuẩn	Đo nhiệt độ phòng	Điểm	2	300.000	600.000
70	Độ ẩm					Hiệu chuẩn	Đo độ ẩm phòng	Điểm	2	300.000	600.000
71	Độ ồn					Hiệu chuẩn	Đo độ ồn phòng	Điểm	2	300.000	600.000
72	Lưu lượng gió					Hiệu chuẩn	Đo lưu lượng gió	Điểm cấp	26	300.000	7.800.000
73	Số lần trao đổi khí					Hiệu chuẩn	Đo số lần trao đổi khí/điểm/giờ	Điểm	7	300.000	2.100.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
74	Độ kín của phòng xét nghiệm					Hiệu chuẩn	Đo độ kín của phòng	Điểm	7	300.000	2.100.000
75	Hiệu suất lọc của màn lọc HEPA					Hiệu chuẩn	Đo hiệu suất lọc của màn lọc	Cái	26	300.000	7.800.000
76	Áp suất của phòng xét nghiệm					Hiệu chuẩn	Đo độ chênh áp suất phòng	Điểm	7	300.000	2.100.000
77	Lò hấp 2 cửa					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	3.000.000	3.000.000
78	Lò hấp nhỏ					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	3	3.000.000	9.000.000
79	Bình chịu áp lực (1000 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	4.000.000	4.000.000
80	Bình chịu áp lực (250 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	1.500.000	3.000.000
81	Van an toàn ruột (250 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	1.500.000	3.000.000
82	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ ruột tank					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	2.700.000	5.400.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
83	Bình chịu áp lực (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	2.700.000	5.400.000
84	Van toàn ruột tank (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	2.700.000	5.400.000
85	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ ruột tank (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	2.700.000	5.400.000
86	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ (tủ điện đường ống)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	2.700.000	2.700.000
87	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ (tủ điện đường ống)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	2.700.000	2.700.000
88	Cân kỹ thuật	62547			Hãng sản xuất: JADEVER Phạm vi đo: 0,02kg - 2kg Sai số: 0,001kg	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại: 0,2kg; 1kg; 2kg	Cái	1	1.000.000	1.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
89	Cân kỹ thuật				Hãng sản xuất: Vibra Shinko Phạm vi đo: 0,5g - 3200g Sai số 0,01g	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại: 100g, 1000g, 3000g	Cái	1	1.000.000	1.000.000
90	Máy đo PH				Hãng sản xuất: Milwaukee Phạm vi đo: pH từ 0-14	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH 4; pH 10	Cái	1	1.200.000	1.200.000
91	Bộ quả cân chuẩn F1				Bộ quả cân chuẩn F1 Việt Nam 21 điểm	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 6 điểm (100mg, 200mg, 500mg, 1g, 2g, 5g)	Bộ	1	3.500.000	3.500.000
92	Kính hiển Vi	1887-I-CT			Hãng sản xuất: ANTI-MOULD	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
93	Kính hiển Vi	2460-DH			Hãng sản xuất: LABORLUX	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
94	Kính hiển Vi	8147			Hãng sản xuất: MICROS	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
95	Kính hiển Vi	2844			Hãng sản xuất: ANTI- MOULD	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
96	Kính hiển Vi	2244-CT			Hãng sản xuất: ZEISS	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
97	Kính hiển Vi	2486			Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
98	Kính soi nổi	2933-CT			Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
99	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
100	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
101	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	1.500.000	1.500.000
102	Máy khuấy từ nóng					Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	3.000.000	3.000.000
103	Máy nghiền mẫu muối	416/CT			Hãng sản xuất: Qiagen	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	3.000.000	3.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
104	Máy nghiền mẫu muối (Mini - BeasBeater 96)				Hãng sản xuất: BeasBeater	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	3.000.000	3.000.000
105	Máy làm lạnh mẫu					Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	3.000.000	3.000.000
106	Máy realtime PCR					Bảo trì	- Theo dõi vấn đề bảo trì lần cuối và các vấn đề khi chạy máy (nếu có) - Kiểm tra điều kiện vận hành máy (nhiệt độ, độ ẩm, nguồn cấp áp) - Kiểm tra dữ liệu trên máy tính và backup nếu cần thiết - Vệ sinh bên ngoài thiết bị - Kiểm tra, ghi nhận số giờ đã sử dụng của đèn, thay thế (nếu cần thiết, vật tư do Viện cung cấp) - Kiểm tra màn hình, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra buồng gia nhiệt và nắp đậy, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra kính lọc màu. - Chạy chương trình chuẩn đoán thiết bị - Hiệu chuẩn thiết bị (Background, ROI, Optical, Dye) - Làm sạch block nhiệt tại các vị trí phát hiện bất thường khi quét nền - Hiệu chuẩn nhiệt độ - Đánh giá lại các công việc đã thực hiện với Viện - Đánh giá lại quy trình bảo trì với Viện	Cái	1	3.000.000	3.000.000

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ				
107	Máy PCR	3680.CT			Hãng sản xuất: Biorad	Bảo trì	Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bản từng giềng để mẫu trên block nhiệt Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	3.000.000	3.000.000
108	Máy PCR				Hãng sản xuất: Biometra Tone	Bảo trì	Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bản từng giềng để mẫu trên block nhiệt Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng											299.000.000
Bảng chữ: Hai trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn.											